

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		975.557.342.580	1.258.781.838.322
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		172.153.997.594	275.754.725.315
1. Tiền	111	V.1	158.653.997.594	275.754.725.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91.315.414.965	203.305.865.250
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	227.757.256.682	240.102.528.218
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(136.441.841.717)	(36.796.662.968)
III. Các khoản phải thu	130		521.220.252.044	652.209.710.673
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	246.900.814.866	228.401.134.007
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	125.567.985.334	121.652.866.861
3. Phải thu nội bộ	133		0	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	149.997.068.243	303.512.792.375
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(1.245.616.399)	(1.357.082.570)
IV. Hàng tồn kho	140		28.616.371.096	9.379.736.317
1. Hàng tồn kho	141	V.8	28.616.371.096	9.379.736.317
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		162.251.306.882	118.131.800.768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	14.606.288.844	5.779.168.215
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.150.711.470	14.529.903.229
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	24.479.923.807	2.047.556.503
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	108.014.382.761	95.775.172.821

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.568.599.967.038		2.027.754.981.285	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-		-	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-		-	
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212	-		-	
3. Phải thu dài hạn khác	213	-		-	
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-		-	
II. Tài sản cố định	220	1.661.821.240.963		1.178.670.486.993	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.311.736.609.650	967.645.674.970	
<i>Nguyên giá</i>	222		1.760.094.977.018	1.304.869.143.128	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(448.358.367.368)	(337.223.468.158)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	15.196.274.313	19.178.069.091	
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(8.694.494.353)	(4.712.699.575)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	11.384.252.729	10.117.509.911	
<i>Nguyên giá</i>	228		11.812.145.552	10.262.125.910	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(427.892.823)	(144.615.999)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	323.504.104.271	181.729.233.021	
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	262.419.257.921	-	
<i>Nguyên giá</i>	241		267.774.752.981	-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(5.355.495.060)	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		620.106.937.664	792.951.115.733	
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	105.539.643.760	3.850.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	226.318.513.210	175.200.869.323	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	424.188.611.094	641.608.262.277	
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.20	(135.939.830.400)	(27.708.015.867)	
V. Lợi thế thương mại	260		-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	270		24.252.530.490	56.133.378.559	
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.21	20.583.522.923	7.688.151.585	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.22	1.243.746.870	14.001.257.595	
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.23	2.425.260.697	34.443.969.379	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.544.157.309.619	3.286.536.819.606	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.485.208.905.413	972.812.643.323
I. Nợ ngắn hạn	310	688.815.603.129	532.547.438.497
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.24	184.241.453.542	64.953.475.960
2. Phải trả cho người bán	312 V.25	256.171.151.805	224.177.999.492
3. Người mua trả tiền trước	313 V.26	21.790.662.239	27.082.118.441
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314 V.27	14.109.417.841	39.444.922.130
5. Phải trả công nhân viên	315 V.28	23.436.073.041	14.458.291.071
6. Chi phí phải trả	316 V.29	35.782.118.599	40.858.492.091
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319 V.30	141.542.758.403	117.444.448.774
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.31	11.741.967.660	4.127.690.538
II. Nợ dài hạn	320	796.393.302.284	440.265.204.826
1. Phải trả dài hạn người bán	321	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323 V.32	25.714.513.302	31.753.440.302
4. Vay và nợ dài hạn	324 V.33	757.744.207.247	400.814.193.762
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	10.940.703.745	7.198.920.468
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.993.877.990	498.650.294
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2.036.142.843.182	2.283.740.202.100
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.030.295.492.231	2.270.888.375.106
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 V.34	475.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412 V.34	1.366.907.462.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413 V.34	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	413	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	7.985.841.555	907.009.938
7. Quỹ đầu tư phát triển	416	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	417 V.34	13.410.665.221	7.218.667.273
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418 V.34	13.320.100.315	6.971.403.599
10. Lợi nhuận chưa phân phối	419 V.34	81.873.646.838	342.086.055.994
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420	5.847.350.951	12.851.826.994
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421 V.35	5.847.350.951	12.851.826.994
2. Nguồn kinh phí	422	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423	-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	22.805.561.022	29.983.974.183
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430	3.544.157.309.619	3.286.536.819.606

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		2.188.120,64	1.952.477,02
EUR		272.866,12	202.785,90
SGD		1.941.389,00	6.871.187,00
MYR		1.209.430,00	2.641.227,00
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc